

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XDD

TÊN HỌC PHẦN: HÓA ĐẠI CƯƠNG CỞ SỞ

HỌC KỲ 3

MÃ HỌC PHẦN: CHE - 100

TÍN CHỈ 1

Ngày thi: 19/10/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
1	142211229	PHẠM TRỌNG	KHOA	K15XDD1	7		8.5					5.5	6.6	Sầu pháy Sầu			
2	152212013	LÊ VĨNH	LINH	K15XDD1	10		5.5					5.3	6.1	Sầu pháy Mất			
3	152212016	NGUYỄN DUY	ĐÔ	K15XDD1	10		8					7.8	8.2	Tầm pháy Hai			
4	152212615	PHAN PHỤNG	HOÀN	K15XDD1	9		8.5					5.5	6.9	Sầu pháy Chên			
5	152212628	NGUYỄN PHẠM TÚ	SINH	K15XDD1	10		6.5					6.3	6.9	Sầu pháy Chên			
6	152212637	NGÔ DUY	BÌNH	K15XDD1	9		7					7.5	7.6	Báy pháy Sầu			
7	152212638	TRẦN HUỖNH	ĐÚNG	K15XDD1	10		6					7	7.2	Báy pháy Hai			
8	152212639	NGÔ MINH	NHÂN	K15XDD1	8		8					6.8	7.3	Báy pháy Ba			
9	152212642	TRẦN VĂN	LỢI	K15XDD1	9		6.5					6.3	6.8	Sầu pháy Tầm			
10	152212645	LÊ XUÂN	TÂN	K15XDD1	6		8					HP	0.0	Kháng			
11	152212651	LÊ KỶ	TRUNG	K15XDD1	10		7					8.5	8.3	Tầm pháy Ba			
12	152212653	PHẠM VIỆT	QUỐC	K15XDD1	8		8					7.3	7.6	Báy pháy Sầu			
13	152212654	THỦY THANH	TUẤN	K15XDD1	6		6					6	6.0	Sầu			
14	152212655	HỒ HOÀNG	VŨ	K15XDD1	10		7.5					7	7.6	Báy pháy Sầu			
15	152212657	PHẠM PHÚ	CƯỜNG	K15XDD1	10		8.5					7.8	8.3	Tầm pháy Ba			
16	152212658	LÊ ĐÌNH	CHINH	K15XDD1	10		5.5					7.5	7.3	Báy pháy Ba			
17	152212661	HOÀNG VĂN	AN	K15XDD1	10		7.5					5.3	6.7	Sầu pháy Báy			
18	152212665	VÕ ĐÌNH	HOÀNG	K15XDD1	10		8.5					7.3	8.1	Tầm pháy Mất			
19	152212667	PHẠM NGỌC	HIẾU	K15XDD1	6		7.5					5.5	6.2	Sầu pháy Hai			
20	152212678	HOÀNG ANH	HÙNG	K15XDD1	9		6.5					7.3	7.3	Báy pháy Ba			
21	152212680	HỒ CHÍ	BẰNG	K15XDD1	10		9.5					9	9.3	Chên pháy Ba			
22	152212689	NGUYỄN GIA	TUẤN	K15XDD1	4		5					6.8	5.8	Nằm pháy Tầm			
23	152212693	NGUYỄN TUẤN	VŨ	K15XDD1	4		5					6	5.4	Nằm pháy Bấu			
24	152212705	TRẦN VĂN	TÙNG	K15XDD1	10		8					5.5	6.9	Sầu pháy Chên			
25	152212707	TRẦN ĐỨC	HẢI	K15XDD1	10		9.5					7.3	8.4	Tầm pháy Bấu			
26	152212710	TRẦN CHÍ	CÔNG	K15XDD1	8		4.5					7	6.4	Sầu pháy Bấu			
27	152212714	NGUYỄN MINH	NGHI	K15XDD1	9		9.5					9.5	9.4	Chên pháy Bấu			
28	152212724	NGUYỄN VĂN	VINH	K15XDD1	8		8					7	7.5	Báy pháy Nằm			
29	152212727	VÕ HUỖNH	KHẢI	K15XDD1	10		7.5					9	8.7	Tầm pháy Báy			
30	152212730	NGUYỄN VĂN	TIỀN	K15XDD1	10		8.5					5.5	7.1	Báy pháy Mất			
31	152212734	HỒ HẢI	QUYỀN	K15XDD1	10		9.5					8.3	8.9	Tầm pháy Chên			
32	152212735	CHU QUYẾT	THẮNG	K15XDD1	9		6					8	7.6	Báy pháy Sầu			
33	152212736	HỒ XUÂN	PHÁP	K15XDD1	10		6.5					9.5	8.7	Tầm pháy Báy			
34	152212737	TRẦN TRUNG	KIÊN	K15XDD1	10		9.5					8.3	8.9	Tầm pháy Chên			
35	152212739	LÊ XUÂN	PHƯƠNG	K15XDD1	7		5					8	7.0	Báy			
36	152212745	NGUYỄN	HẢI	K15XDD1	8		7.5					6	6.8	Sầu pháy Tầm			
37	152212747	NGUYỄN VĂN	THÔNG	K15XDD1	10		9					8.5	8.9	Tầm pháy Chên			
38	152212750	VÕ NGỌC	ĐƯỜNG	K15XDD1	8		6.5					4.8	5.8	Nằm pháy Tầm			
39	152212753	VÕ VĂN	NGUYỄN	K15XDD1	10		7.5					7	7.6	Báy pháy Sầu			
40	152215524	TRẦN LONG	GIANG	K15XDD1	10		7.5					5.8	6.9	Sầu pháy Chên			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XDD

TÊN HỌC PHẦN: HÓA ĐẠI CƯƠNG CỞ SỞ
MÃ HỌC PHẦN : CHE - 100

HỌC KỲ 3
TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

Ngày thi: 19/10/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
41	152215527	NGUYỄN THIÊN	HÙNG	K15XDD1	9		8.5						HP	0.0	Khăng		
42	152215928	NGUYỄN ĐĂNG	TÂN	K15XDD1	8		6						7.3	7.0	Báý		
43	152215958	TRẦN ĐÌNH BẢO	MINH	K15XDD1	10		7.5						7.8	8.0	Tầm		
44	152216071	NGUYỄN XUÂN	LƯƠNG	K15XDD1	10		8						8.5	8.6	Tầm pháp Sầu		
45	152222019	ĐÌNH VĂN	TÀNG	K15XDD1	10		7						6.5	7.2	Báý pháp Hai		
46	152222777	PHẠM TÂN	VẠN	K15XDD1	10		8						8.3	8.5	Tầm pháp Nằm		
47	142211262	ĐỖ THÁI	SƠN	K15XDD2	10		4						3.8	0.0	Khăng		
48	142211277	PHẠM MINH	THÀNH	K15XDD2	8		5						3	0.0	Khăng		
49	142522783	PHAN ĐÌNH	LUYỄN	K15XDD2	9		5.5						7.8	7.3	Báý pháp Ba		
50	152212613	NGUYỄN LÊ ANH	KIỆT	K15XDD2	8		5						4	4.9	Bấu pháp Chên		
51	152212620	NGUYỄN VĂN	HÒA	K15XDD2	4		6.5						7	6.4	Sầu pháp Bấu		
52	152212626	ĐƯƠNG QUANG	MINH	K15XDD2	3		5						4.8	4.6	Bấu pháp Sầu		
53	152212627	NGUYỄN ĐẮC	DUY	K15XDD2	10		7.5						7	7.6	Báý pháp Sầu		
54	152212631	HUỖNH THANH	QUỐC	K15XDD2	9		7.5						7.3	7.6	Báý pháp Sầu		
55	152212634	NGUYỄN VĂN	TRUNG	K15XDD2	10		9						7.3	8.2	Tầm pháp Hai		
56	152212636	PHẠM HỒNG	THÁI	K15XDD2	10		7.5						7.5	7.9	Báý pháp Chên		
57	152212640	NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	K15XDD2	9		5.5						6	6.3	Sầu pháp Ba		
58	152212641	VŨ TRẦN DUY	TÂN	K15XDD2	7		7.5						7.3	7.3	Báý pháp Ba		
59	152212643	PHAN TUẤN	ANH	K15XDD2	10		8						7	7.8	Báý pháp Tầm		
60	152212652	TRẦN	HỌC	K15XDD2	8		5.5						5	5.6	Nằm pháp Sầu		
61	152212659	ĐƯƠNG PHÚ	QUÝ	K15XDD2	0		0						HP	0.0	Khăng		
62	152212660	NGUYỄN QUỐC	VŨ	K15XDD2	10		8.5						8.5	8.7	Tầm pháp Báý		
63	152212663	NGUYỄN MINH	THIỆN	K15XDD2	10		6.5						7.5	7.6	Báý pháp Sầu		
64	152212668	TRẦN VĂN	THÀNH	K15XDD2	10		6						5.5	6.3	Sầu pháp Ba		
65	152212669	ĐẶNG MINH	CHUÂN	K15XDD2	9		7.5						7.3	7.6	Báý pháp Sầu		
66	152212672	LÊ THANH	PHƯƠNG	K15XDD2	9		4.5						5.8	5.9	Nằm pháp Chên		
67	152212687	HỒ ĐẠI	NHÂN	K15XDD2	10		8						8.3	8.5	Tầm pháp Nằm		
68	152212688	NGUYỄN CÔNG	ĐOÀN	K15XDD2	6		7.5						8	7.6	Báý pháp Sầu		
69	152212692	PHAN QUỐC	HUY	K15XDD2	10		6						6.8	7.0	Báý		
70	152212694	LẠI VĂN	ĐỨC	K15XDD2	10		8.5						5.5	7.1	Báý pháp Mất		
71	152212696	TRỊNH NGỌC	THẮNG	K15XDD2	7		4.5						6.8	6.1	Sầu pháp Mất		
72	152212700	VÕ THANH	PHONG	K15XDD2	7		5						6	5.9	Nằm pháp Chên		
73	152212703	LÊ ANH	VŨ	K15XDD2	7		3						HP	0.0	Khăng		
74	152212704	NGUYỄN VĂN	BÌNH	K15XDD2	10		9.5						8.8	9.2	Chên pháp Hai		
75	152212706	HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	K15XDD2	10		10						8.8	9.3	Chên pháp Ba		
76	152212708	NGUYỄN DUY	TƯỜNG	K15XDD2	10		6						7	7.2	Báý pháp Hai		
77	152212715	VÕ TRUNG	MỸ	K15XDD2	10		6						7	7.2	Báý pháp Hai		
78	152212718	TRẦN NGỌC	NAM	K15XDD2	6		5						4	4.6	Bấu pháp Sầu		
79	152212720	LÊ VĂN TÂN	HÙNG	K15XDD2	10		8						5	6.7	Sầu pháp Báý		
80	152212722	PHẠM THANH	HẢI	K15XDD2	10		7						6.3	7.1	Báý pháp Mất		
81	152212726	LÊ VĂN	HOÀNG	K15XDD2	0		0						HP	0.0	Khăng		
82	152212731	TRẦN THÀNH	KHÂM	K15XDD2	10		6.5						5	6.2	Sầu pháp Hai		
83	152212732	ĐÀO TIẾN	THƯỜNG	K15XDD2	8		5.5						5.5	5.9	Nằm pháp Chên		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XDD
TÊN HỌC PHẦN: HÓA ĐẠI CƯƠNG CỞ SỞ
MÃ HỌC PHẦN : CHE - 100

HỌC KỲ 3
TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

Ngày thi: 19/10/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
84	152212738	ĐÀO ĐỨC	MÃNH	K15XDD2	10		9						8	8.6	Tầm pháp Sầu		
85	152212743	TRẦN ĐÌNH	BẢO	K15XDD2	10		6.5						7.5	7.6	Bảy pháp Sầu		
86	152212744	NGUYỄN ANH	TUẤN	K15XDD2	10		5						3.8	0.0	Khăng		
87	152215526	ĐẶNG THÁI	SƠN	K15XDD2	10		8						5.8	7.1	Bảy pháp Mất		
88	152215529	TÔN LONG	LINH	K15XDD2	9		4.5						5	5.5	Năm pháp Năm		
89	152215827	LÊ TIẾN	LONG	K15XDD2	10		7.5						7.5	7.9	Bảy pháp Chên		
90	152215829	TRƯƠNG XUÂN	VINH	K15XDD2	9		7						HP	0.0	Khăng		
91	152222784	HOÀNG QUỐC	VIỆT	K15XDD2	10		7.5						6	7.1	Bảy pháp Mất		
92	152222789	NGÔ ĐỨC	HIẾU	K15XDD2	10		6						7.5	7.4	Bảy pháp Bấu		
93	152313941	LÊ XUÂN	SANG	K15XDD2	10		7.5						7.5	7.9	Bảy pháp Chên		
94	142211205	NGUYỄN CÔNG	DŨNG	K15XDD3	10		6.5						4	5.7	Năm pháp Bảy		
95	142211301	NGUYỄN ANH	TUẤN	K15XDD3	0		0						5.3	2.9	Hai pháp Chên		
96	152132006	NGUYỄN TƯ	HIẾU	K15XDD3	6		6						6	6.0	Sầu		
97	152212014	TRƯƠNG VĂN	VỊNH	K15XDD3	9		8						7.8	8.0	Tầm		
98	152212015	TRẦN HỒNG	ANH	K15XDD3	10		8						8	8.3	Tầm pháp Ba		
99	152212614	TRƯƠNG QUỐC	BÔNG	K15XDD3	4		4						1.3	0.0	Khăng		
100	152212616	NGUYỄN TRUNG	THI	K15XDD3	6		6						3	0.0	Khăng		
101	152212617	NGUYỄN TRỌNG	HOÀNG	K15XDD3	9		4						3.5	0.0	Khăng		
102	152212618	NGUYỄN BÁ	SINH	K15XDD3	9		6						7	7.0	Bảy		
103	152212619	PHAN BẢO	NGUYỄN	K15XDD3	10		8.5						7.5	8.2	Tầm pháp Hai		
104	152212622	NGUYỄN CÔNG	QUỐC	K15XDD3	4		4						2.3	0.0	Khăng		
105	152212623	LÊ ĐỨC	TIẾN	K15XDD3	6		8						3.3	0.0	Khăng		
106	152212630	THÁI MINH	HẢI	K15XDD3	9		6						4	5.4	Năm pháp Bấu		
107	152212644	NGUYỄN XUÂN	ĐẠT	K15XDD3	9		7						5	6.2	Sầu pháp Hai		
108	152212646	HOÀNG THẾ	THẮNG	K15XDD3	9		4						2.3	0.0	Khăng		
109	152212649	ĐOÀN HỒNG	NAM	K15XDD3	9		9						4.5	6.5	Sầu pháp Năm		
110	152212656	LÊ VĂN	LỘC	K15XDD3	0		0						HP	0.0	Khăng		
111	152212662	TRẦN VĂN	ĐỨC	K15XDD3	8		4						2.5	0.0	Khăng		
112	152212664	LƯƠNG TRUNG	SƠN	K15XDD3	6		7						6.5	6.6	Sầu pháp Sầu		
113	152212675	TRƯƠNG THANH	HUY	K15XDD3	10		6.5						2.5	0.0	Khăng		
114	152212676	LÊ MINH	HẢI	K15XDD3	8		8.5						4.5	6.2	Sầu pháp Hai		
115	152212679	LÊ PHAN THANH	BÌNH	K15XDD3	8		9						6.3	7.4	Bảy pháp Bấu		
116	152212682	HUỖNH VĂN	THÀNH	K15XDD3	6		4						2.8	0.0	Khăng		
117	152212684	HOÀNG KIM DANH	NHÂN	K15XDD3	8		6.5						2.5	0.0	Khăng		
118	152212686	LÊ DUY	KHÁNH	K15XDD3	9		9						3.8	0.0	Khăng		
119	152212690	HỒ MINH	PHƯƠNG	K15XDD3	4		4						5.8	5.0	Năm		
120	152212691	NGUYỄN THANH	LONG	K15XDD3	8		4						7	6.3	Sầu pháp Ba		
121	152212695	LÊ THIÊN	VŨ	K15XDD3	8		9						2.8	0.0	Khăng		
122	152212698	LÊ MINH	TUẤN	K15XDD3	8		4						3.8	0.0	Khăng		
123	152212701	HOÀNG VĂN	THÔNG	K15XDD3	9		5						4.5	5.3	Năm pháp Ba		
124	152212712	PHAN THẾ	VŨ	K15XDD3	6		4						HP	0.0	Khăng		
125	152212713	NGUYỄN KHÁNH	CHUNG	K15XDD3	6		5						4.3	4.8	Bấu pháp Tầm		
126	152212719	TRẦN	VĂN	K15XDD3	9		5.5						3.3	0.0	Khăng		

Ngày thi: 19/10/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
127	152212721	NGUYỄN ĐÌNH	HOÀN	K15XDD3	9		6						6	6.5	Saù pháy Nàm		
128	152212740	ĐẶNG TUẤN	ANH	K15XDD3	9		5						4.3	5.2	Nàm pháy Hai		
129	152212741	HUỲNH MINH	LÂM	K15XDD3	4		0.5						V	0.0	Khăng		
130	152212746	NGUYỄN THANH	TUẤN	K15XDD3	4		0.5						1	0.0	Khăng		
131	152212751	LÊ KHẮC	DŨƠNG	K15XDD3	9		6.5						4.3	5.7	Nàm pháy Baý		
132	152215525	NGUYỄN	CƯỜNG	K15XDD3	10		5						5	5.8	Nàm pháy Tâm		
133	152215832	HOÀNG LÊ	MINH	K15XDD3	7		4						3	0.0	Khăng		
134	152216157	NGUYỄN ĐÌNH	TẤN	K15XDD3	8		6						3	0.0	Khăng		
135	152216196	NGUYỄN THỊ THUỶ	PHƯƠNG	K15XDD3	8		6						5.5	6.0	Saù		
136	152216199	TRẦN HỮU	HÙNG	K15XDD3	10		9						7	8.1	Tâm pháy Mắi		
137	152216454	VÕ ANH	QUỐC	K15XDD3	5		8						4.5	5.6	Nàm pháy Saù		
138	152313999	PHẠM HỮU	MẠNH	K15XDD3	8		5						5	5.5	Nàm pháy Nàm		
1	0293	LÊ BẢO	QUỐC	K14XDD2	7		7						7	7.0	Baý		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	109	78%	
2	Số sinh viên nợ	30	22%	
TỔNG CỘNG :		139	100%	

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 11 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú